

NHẬN THỨC LUẬN TRONG TRIẾT HỌC JOHN LOCKE

EPISTEMOLOGY IN JOHN LOCKE'S PHILOSOPHY

HUỲNH THỊ PHƯƠNG THÚY^(*)

TÓM TẮT: John Locke (1632-1704) là một trong những tên tuổi có ảnh hưởng nhiều đến xã hội Tây Âu vào cuối thế kỷ XVII. Ngoài các vấn đề về chính trị - xã hội, ông đã phát triển khuynh hướng kinh nghiệm trong nhận thức luận và tạo nên dấu ấn của toàn bộ chủ nghĩa kinh nghiệm duy vật Anh. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi phân tích vị trí nhận thức luận trong hệ thống triết học của John Locke, các nội dung cơ bản và luận giải thực chất lý luận nhận thức trong triết học của John Locke.

Từ khóa: nhận thức luận; John Locke; triết học Anh; nhận thức luận John Locke.

ABSTRACT: John Locke (1632-1704) was one of the most influential names in Western European society in the late 17th century. In addition to socio-political issues, he developed an empirical bias in epistemology and set the mark of all British materialist empiricism. In this article, we analyze the epistemological position in John Locke's philosophical system, the basic contents and substantial explanations of epistemological logic in John Locke's philosophy.

Key words: epistemology; John Locke; British philosophy; John Locke's epistemology.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

John Locke (1632-1704) là một trong các đại biểu lớn của phong trào Khai sáng hình thành ở Tây Âu vào cuối thế kỷ XVII, một trào lưu tư tưởng và văn hóa đặc biệt mà tác động của nó đã vượt ra khỏi khuôn khổ thời đại. Những quan điểm của John Locke thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau, từ lĩnh vực chính trị - xã hội với tư tưởng về quyền tự nhiên và khế ước xã hội, từ đó luận giải về một nhà nước hợp lý tính; lĩnh vực tôn giáo với tinh thần khoan dung tôn giáo và quyền tự do lựa chọn con đường cứu rỗi của riêng mỗi cá nhân; lĩnh vực giáo dục với việc nhấn mạnh vai trò và quyền năng của giáo dục là phải tạo ra sự trải nghiệm trong tâm trí của đứa trẻ trong quá trình trưởng thành..., nhưng lĩnh vực để lại dấu ấn sâu sắc nhất, mạnh mẽ nhất chính là nhận thức luận.

Có thể thấy, triết học của John Locke không chỉ ảnh hưởng đến môi trường học

thuật và hiện thực chính trị - xã hội ở các nước Tây Âu đương thời mà tư tưởng của ông về nhận thức luận còn định hình và phát triển chủ nghĩa duy nghiệm Anh thế kỷ XVII nói riêng và triết học duy vật nói chung. Đặc biệt, đối với phong trào Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, tầm ảnh hưởng của John Locke là rất lớn. C. Mác đã khẳng định: “Chủ nghĩa duy vật Pháp có hai phái: một phái bắt nguồn từ Đêcátơ, một phái bắt nguồn từ Lốccơ. Phái thứ hai thì chủ yếu là một yếu tố của văn hóa Pháp và trực tiếp dẫn tới chủ nghĩa xã hội; còn phái kia là chủ nghĩa duy vật máy móc, nó hòa vào trong khoa học tự nhiên của Pháp” [1, tr.191]. Do đó, việc nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống triết học của John Locke nói chung, nhận thức luận của ông nói riêng là hết sức quan trọng.

^(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, thuy.http@vlu.edu.vn, Mã số: TCKH24-04-2020

2. NỘI DUNG

2.1. Vị trí nhận thức luận trong triết học John Locke

Ông được coi là “người con” của tinh thần thỏa hiệp năm 1688 ở nước Anh, được biết đến dưới tên gọi “cuộc cách mạng quang vinh”, một cuộc cách mạng từ bên trên, kết quả của sự dung hòa giữa giai cấp tư sản và quý tộc, tạo nên chính thể quân chủ lập hiến, với ưu thế chính trị và thực quyền thuộc về nghị viện, còn nhà vua là biểu tượng của nhà nước. Sau những diễn biến phức tạp và đầy rẫy xung đột của cách mạng tư sản Anh, John Locke kỳ vọng vào một trật tự chính trị mang tính dung hòa, nhằm duy trì truyền thống trong một xã hội công dân. Để làm được điều đó cần phải xác lập một thứ khoa học dựa trên sự hiểu biết về năng lực của con người cũng như nguồn gốc tạo nên trí tuệ con người. Nhận thức luận của John Locke, xét đến cùng hướng đến cách tiếp cận và luận giải về một nhà nước hợp lý tính, hợp nhân tính, mang tính khả dụng cho con người, với mục tiêu cao cả là đưa con người cá nhân (và rộng hơn, có thể là toàn bộ xã hội loài người) đạt đến trạng thái tự do hoàn bị nhất.

Không chỉ trong lĩnh vực chính trị - xã hội để nói về vai trò của nhận thức luận, ở một bình diện rộng lớn hơn, John Locke cho rằng một trong các tính quy định của bản tính người là lý tính. Con người, với năng lực lý tính của mình có thể hóa giải được những bí ẩn của giới tự nhiên, nhận thức được thế giới bao quanh cũng như chính bản thân mình, và xét đến cùng, cái tạo được tự nhiên, xã hội và chính con người dựa trên các nguyên tắc hợp lý. Trong chương đầu của tác phẩm “Khảo luận về sự hiểu biết của con người” John Locke cho rằng, “lý tính đặt con người lên cao hơn mọi thực thể có cảm tính còn lại và đem lại cho con người ưu thế và sự thống trị của nó đối với chúng” [2, tr.120]. Nêu cao tinh thần đó, John Locke rút ra kết luận mang tính nguyên tắc đối với việc xây dựng toàn bộ hệ thống triết học của ông: trước

khí nghiên cứu bất kỳ vấn đề triết học và khoa học nào có liên quan đến thế giới và con người, thì cũng cần nghiên cứu những năng lực của bản thân mình và xem xét lý tính chúng ta có thể nhận thức được những đối tượng nào, còn những đối tượng nào thì không. Điều này cho thấy vị trí trung tâm của lý luận nhận thức đối với toàn bộ hệ thống triết học của John Locke. Những vấn đề nhận thức luận đã được John Locke hết sức quan tâm và dành nhiều tâm huyết nghiên cứu suốt cả cuộc đời.

Thời đại của John Locke là thời đại của sự phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực khoa học, đặc biệt là khoa học tự nhiên. Chính sự phát triển vượt bậc của khoa học đã tạo ra những chất liệu phong phú cho triết học, triết học thực hiện nhiệm vụ khái quát hóa, hệ thống hóa các thành quả của khoa học tự nhiên thời kỳ này thành các luận chứng và vạch ra con đường phát triển tiếp theo. Lúc này, các nhà triết học tập trung giải quyết hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học: bản thể luận và nhận thức luận, nếu thiếu một trong hai mặt đó thì triết học mất đi vai trò của mình. Đặc biệt, những thành tựu trong nghiên cứu khoa học và những thay đổi trong phương pháp luận nghiên cứu cũng đặt ra cho các nhà triết học nhiệm vụ tìm hiểu bản chất của quá trình nhận thức, nguồn gốc tri thức. Từ thế kỷ XVII, vấn đề nhận thức luận là vấn đề trọng tâm, chủ đề chính trong các cuộc tranh luận triết học. Có thể nói, lý luận nhận thức là một đặc trưng hết sức cơ bản của triết học thế kỷ XVII-XVIII. So với các thời kỳ trước, chưa bao giờ vấn đề nhận thức được quan tâm như thế kỷ XVII-XVIII, các nhà triết học tập trung lý giải về nguồn gốc nhận thức, phương pháp nhận thức và cơ sở của các phương pháp đó, từ đó hình thành nên những cách tiếp cận khác nhau nhằm giải quyết vấn đề: con người có thể sử dụng phương pháp nào để nhận thức hiệu quả nhất và đạt được tri thức hữu dụng nhất? Chính sự phát triển của khoa học tự nhiên buộc con người phải quan tâm đến nhận thức luận.

Triết học của John Locke cũng không nằm ngoài xu thế trên.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, nhận thức luận là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ hệ thống triết học của John Locke, chúng ta không thể hiểu một cách thấu đáo toàn bộ triết học John Locke nếu như không hiểu về nhận thức luận. Nhận thức luận của John Locke vì thế có một vị trí cực kỳ quan trọng, nó được xem như là cơ sở lý luận cho toàn bộ hệ thống triết học của John Locke.

2.2. Nội dung nhận thức luận trong triết học John Locke

Đề cập đến nhận thức luận, John Locke muốn tìm hiểu nguồn gốc của những tri thức mà con người tiếp nhận được, tìm kiếm những con đường mà thông qua chúng lý trí tiếp nhận tri thức. Nội dung lý luận nhận thức được John Locke thể hiện hết sức sinh động và sâu sắc.

Thứ nhất, John Locke phê phán và phủ nhận học thuyết về “ý niệm bẩm sinh”. Từ cách tiếp cận duy cảm luận với tuyên bố “không có cái gì trong trí tuệ, nếu không có trước hết trong cảm giác”, John Locke phê phán học thuyết ý niệm bẩm sinh bắt nguồn từ chủ nghĩa Platon và được Descartes và trường phái Descartes đổi mới. Học thuyết ý niệm bẩm sinh dựa vào sự nhất trí phổ biến của con người như luận chứng cơ bản để khẳng định rằng dường như những tri thức, cũng như những khả năng khác của con người, xuất hiện một cách tất yếu và hiện thực từ lúc sinh ra. John Locke gán cho lý luận này quan niệm về con người như một thực thể thụ động, không có tự do, qua đó ông đem các nguyên tắc và các lý tưởng cơ bản của mình đối lập với nó. Theo John Locke, sự nhất trí chung không thể dùng để khẳng định sự tồn tại của các nguyên lý bẩm sinh mà ngược lại càng làm sáng tỏ một điều rằng chúng không hề có thực: bởi lẽ không hề có những nguyên lý được cả nhân loại thừa nhận. Chẳng hạn, ta đưa ra nguyên lý “cái gì có thì có”, “không thể có một vật vừa có vừa không”, những nguyên lý

được xem là những tiền đề phổ biến, thì chúng đáng được gọi là những nguyên lý bẩm sinh. Mặc dù vậy, một phần đáng kể nhân loại hoàn toàn không biết về chúng: trẻ con, những kẻ ngu đần và một số người khác không hề biết chúng, và do đó “những luận điểm tưởng không được ghi dấu trong tâm hồn từ tự nhiên (phủ bẩm) [4, tr.660]. Với cách đó, John Locke bác bỏ học thuyết về các nguyên lý bẩm sinh, những nguyên lý cần được chứng minh không bằng tính bẩm sinh, mà bằng tính hữu dụng của mình. Ngay cả ý niệm về Thượng đế, cũng như Pierre Gassendi, John Locke cho rằng, đó không phải là ý niệm bẩm sinh, bởi vì trong thế giới còn có những nhà vô thần bác bỏ sự tồn tại của Thượng đế, nhiều dân tộc không hề đặt ra ý niệm về Thượng đế và tôn giáo; một số khác lại phổ biến và giải thích ý niệm này không bằng tính bẩm sinh, mà thông qua giáo dục, học vấn, truyền giáo, từ đó hình thành nên mối quan tâm đến Thượng đế. Sự phê phán của John Locke đối với ý niệm, khái niệm và các nguyên lý bẩm sinh thông qua các chất liệu phong phú và thuyết phục về thực chất là sự phê phán đối với chủ nghĩa duy tâm và bảo vệ chủ nghĩa duy vật trong lý luận nhận thức. Theo John Locke, không nên cho là bẩm sinh ngay cả các quy luật đồng nhất và mâu thuẫn của logic học, những quy luật được thừa nhận phổ biến. Chúng không hề được tiếp nhận một cách tự nhiên đối với tất cả.

Thứ hai, John Locke cho rằng kinh nghiệm là nguồn gốc duy nhất của mọi tri thức. Sau khi phủ nhận tính có sẵn của tri thức ngay từ khi chào đời, John Locke cho rằng năng lực nhận thức, suy luận, hiểu biết, lý tính chỉ được hình thành thông qua kinh nghiệm. Kinh nghiệm là cơ sở của tri thức, tri thức xét đến cùng bắt nguồn từ kinh nghiệm. Luận điểm về kinh nghiệm như cội nguồn của mọi tri thức là cơ sở của chủ nghĩa duy nghiệm triết học của John Locke.

Trong quyển 2 của “Khảo luận về lý trí con người”, John Locke viết *“Toàn bộ tri thức của chúng ta đều hình thành từ kinh nghiệm. Sự quan sát của chúng ta, hướng đến hoặc các sự vật cảm tính bên ngoài, hoặc hoạt động bên trong của linh hồn, được chúng ta tri giác và phản tỉnh, đem đến cho lý trí của chúng ta toàn bộ chất liệu tư duy”* [4, tr.661]. Nói cách khác, cảm giác và phản tỉnh là hai nguồn gốc của tri thức, từ đó xuất hiện mọi ý niệm. Ông cho rằng nhận thức là một quá trình. Ông thường nói về sự hình thành và phát triển tâm lý của con người, từ lúc là một đứa trẻ đến khi trưởng thành, phụ thuộc trực tiếp vào quá trình tích lũy kinh nghiệm cá nhân và làm giàu nó bằng những chất liệu ngày càng mới. Tâm hồn của đứa trẻ mới sinh, theo John Locke, tựa như tờ giấy trắng (Tabula Rasa) không hề có bất kỳ một ý niệm nào. Nhờ tiếp xúc với thế giới cảm tính mà tờ giấy ấy mỗi ngày lại đầy thêm ý niệm, khái niệm, kinh nghiệm sống.

John Locke phân biệt hai dạng kinh nghiệm: kinh nghiệm bên ngoài và kinh nghiệm bên trong. Kinh nghiệm bên ngoài được cấu thành từ tổ hợp các cảm giác, nguồn gốc của nó là sự tác động của thế giới vật chất khách quan đến các cơ quan cảm giác của con người và gây ra cảm giác. Không có kinh nghiệm bên ngoài thì không thể có cuộc sống bình thường của con người, ở tuổi thiếu niên, chính kinh nghiệm bên ngoài chiếm vị trí áp đảo, tác động đến sự hình thành tâm lý con người. Khác với kinh nghiệm bên ngoài, kinh nghiệm bên trong được hình thành từ những quan sát của trí tuệ đối với hoạt động nội tại của mình, thực chất đó là thế giới nhận thức của con người. Do đó, John Locke còn gọi kinh nghiệm bên trong là cảm tính bên trong, hay phản tỉnh, suy tưởng. Kinh nghiệm bên trong là tổng thể các phương thức thể hiện của hoạt động trí tuệ đa dạng, đem đến cho lý trí chúng ta những ý niệm mà chúng ta không thể nhận được từ các sự vật bên ngoài. Kinh nghiệm bên trong về cơ bản phụ thuộc

vào kinh nghiệm bên ngoài, song trong nhiều trường hợp nó mang tính độc lập tương đối. Kinh nghiệm bên trong là môi trường bền vững, thậm chí tự thân, có thể vận hành mà không cần đến sự liên kết với kinh nghiệm bên ngoài. Các đặc trưng của kinh nghiệm bên trong càng làm sáng tỏ thuộc tính của ý thức con người, trong đó có những năng khiếu, tư chất không hẳn lệ thuộc vào kinh nghiệm bên ngoài. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối hóa khía cạnh độc lập này sẽ dẫn đến chủ nghĩa duy tâm trong nhận thức luận. Ngoài ra, trong việc xác định bản tính của kinh nghiệm bên trong, vẫn còn đôi điều chưa rõ ràng, thậm chí là mang tính nước đôi. Một mặt, John Locke cho rằng phản tỉnh hàm chứa các ý niệm về hoạt động của trí tuệ hướng đến ý niệm của kinh nghiệm bên ngoài, mặt khác, John Locke lại nói đến tri giác bên trong của hoạt động trí tuệ như nguồn phản tỉnh, rằng nguồn gốc ấy của ý niệm mỗi người đều có ngay trong bản thân mình, không liên quan gì đến các đối tượng bên ngoài, và mặc dù nguồn gốc ấy không phải là cảm tính, song hết sức trùng hợp với nó, đáng được gọi là “cảm tính bên trong”. Hóa ra phản tỉnh lại có một cách hiểu khác là nguồn gốc độc lập của tri thức, xuất phát từ xung lực bên trong, cố hữu của linh hồn. Tính nước đôi, không rõ ràng cho thấy sự do dự của John Locke khi giải quyết một vấn đề nhận thức luận quan trọng trong bối cảnh diễn ra cuộc tranh luận giữa hai khuynh hướng chủ đạo và kinh nghiệm, duy cảm và duy lý. Mặc dù vậy, nhìn một cách tổng quát, John Locke luôn khẳng định rằng hoạt động của trí tuệ, cái trở thành đối tượng của phản tỉnh, diễn ra chỉ trên cơ sở các chất liệu cảm tính, hình thành ở con người trước các ý niệm phản tỉnh, rằng linh hồn không thể tư duy trước khi các cảm giác cung cấp cho nó các ý niệm cần cho tư duy. Có thể thấy, John Locke đã phát triển khuynh hướng kinh nghiệm trong nhận thức luận và đẩy nó về hướng duy cảm luận.

Nói về John Locke trong mối quan hệ với các nhà triết học thế kỷ XVII-XVIII, C. Mác viết: *“Hópxơ đã hệ thống hóa học thuyết của Bêcon nhưng không đưa ra những bằng chứng tỉ mỉ, làm chỗ dựa cho nguyên lý cơ bản của Bêcon, cho rằng những hiểu biết và những quan niệm đều bắt nguồn từ thế giới cảm tính. Trong quyển bàn về nguồn gốc của lý tính con người, Lócơ đã chứng minh nguyên lý của Bêcon và Hópxơ”* [1, tr.197]. Điều đó có nghĩa là, theo C. Mác, *“John Locke đã phát triển khuynh hướng kinh nghiệm trong nhận thức luận và tạo nên dấu ấn của toàn bộ chủ nghĩa kinh nghiệm duy vật Anh”* [3, tr.375].

Thứ ba, John Locke đề cập đến học thuyết ý niệm với tư cách là đối tượng của tư duy. Ý niệm, “khái niệm quan trọng bậc nhất của triết học Locke” [2, tr.124] là một thuật ngữ cổ xưa nhưng được John Locke gán cho nó một ý nghĩa đặc biệt. Ý niệm trong quan điểm của John Locke không chỉ là những khái niệm chung chung, trừu tượng, những cái tuyệt đối, bền vững như ý niệm của Platon mà chứa đựng nội dung nhận thức luận cụ thể và linh hoạt. Đó là tất cả những gì mà trí tuệ lĩnh hội được, là những đối tượng trực tiếp của trực giác, của tư duy hay của sự hiểu biết. Ý niệm không nằm ở một thế giới xa lạ nào đó (Platon) hay trong một tinh thần tuyệt đối nào đó (Hegel) mà nằm trong chính trí tuệ của chúng ta. Nguồn gốc của chúng là cảm giác và phản tỉnh như những cái làm cho ý niệm thành các yếu tố của lý tính. Với tính cách là chất liệu trực tiếp của tri thức, John Locke phân loại các ý niệm thành ý niệm đơn giản và ý niệm phức tạp.

Trên nền chung của cách hiểu về ý niệm, John Locke phân biệt ý niệm về chất có trước và ý niệm về chất có sau. Việc phân định ý niệm về chất có trước và ý niệm về chất có sau hoàn thành các chức năng giải thích quan trọng về mặt nhận thức luận triết học. Những chất có trước là những thuộc tính khách quan, cố hữu của vật thể như quảng tính, hình thức, vận động

hay đứng yên, các con số và cả tính không xuyên thấu. Những chất có sau là những thuộc tính luôn biến đổi, phụ thuộc vào các cơ quan cảm giác, như màu sắc, âm thanh, mùi, vị..., phụ thuộc vào chủ thể ý thức, xuất hiện trong con người, mang tính chủ quan. Tuy nhiên, John Locke không tách rời cái chủ quan khỏi cái khách quan mà nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa chúng. Cách tiếp cận này đến gần với quan điểm về hình thức chủ quan và nội dung khách quan của tri thức.

Việc phân tích ý niệm về chất có trước và ý niệm về chất có sau giúp John Locke đào sâu hơn nữa về nguồn gốc của ý niệm. John Locke cho rằng, vốn hướng vào những đối tượng cảm tính riêng biệt, các giác quan của con người cung cấp cho trí tuệ những trực giác khác nhau về sự vật tương ứng với các con đường mà những đối tượng ấy tác động đến chúng. Từ đó chúng ta nhận được những ý niệm đơn giản. Cảm giác là nguồn gốc phong phú của đa số ý niệm là những cái hoàn toàn phụ thuộc vào cảm xúc và đi vào lý tính thông qua cảm giác. Mối liên hệ liên tục được xác lập giữa các cảm giác, các trực giác và đa số ý niệm được cung cấp cho lý tính một cách dễ dàng. Quá trình nhận được những ý niệm nền tảng đối với cuộc sống đồng nhất với các quá trình cảm xúc và trực giác. Với chủ nghĩa duy cảm John Locke, điều quan trọng là các ý niệm phù hợp với tính hiện thực của sự vật và dường như là tự động có được chân lý. Chúng mang tính thực tại vì chúng có quan hệ với chất của bản thân sự vật và chân thực vì lý tính không bổ sung gì cho chúng. Nguồn gốc thứ hai của ý niệm là hoạt động của chính lý tính khi nó phản tỉnh, tự quan sát bản thân mình, những hành vi của mình và lĩnh hội chúng. Phản tỉnh đem lại những ý niệm như “trực giác”, “tư duy”, “hoài nghi”, “niềm tin”, “suy luận”, “nhận thức”, “mong muốn”...

Như vậy, ý niệm đơn giản là ý niệm được đem lại thông qua: mọi giác quan; một số giác quan; phản tính; mọi loại cảm xúc và phản tính. John Locke đánh giá việc nghiên cứu các ý niệm và sự xuất hiện của chúng là những cơ sở đầu tiên của nhận thức. Nếu lý tính thụ động và không tự do trong việc lĩnh hội những ý niệm đơn giản thì theo John Locke, những ý niệm phức tạp được tạo ra nhờ tính tích cực, tính độc lập và tự do của nó. Nhưng tự do ở đây cũng có giới hạn, vì lý tính xây dựng những ý niệm phức tạp từ những ý niệm đơn giản. Theo ông, các phương thức hình thành ý niệm phức tạp là hợp nhất một số ý niệm đơn giản thành ý niệm phức tạp; hợp nhất hai ý niệm đơn giản; tách biệt hay trừu tượng hóa ý niệm chung khỏi các ý niệm chung khác.

Trên cơ sở phân biệt các phương thức tạo thành ý niệm phức tạp, John Locke nêu ra ba loại ý niệm phức tạp là: ý niệm tình thái, ý niệm thực thể và ý niệm quan hệ. John Locke lưu ý rằng, ông sử dụng thuật ngữ “tình thái” theo nghĩa các ý niệm phụ thuộc. Khác với ý niệm đơn giản được John Locke phản ánh trong mối liên hệ với hiện thực, ý niệm phức tạp không có quan hệ trực tiếp với các sự vật hiện

thực. Chẳng hạn, ý niệm toán học “tam giác” chỉ tồn tại trong lý tính. “Cái chung” và “cái phổ biến” không có quan hệ với tồn tại hiện thực của các sự vật mà do lý tính tạo ra để sử dụng và chỉ có quan hệ với những ký hiệu - danh từ và ý niệm. Đây là lập trường của chủ nghĩa duy danh, tức là phủ định tính thực tại của cái chung. Nhưng xét đến cùng, theo John Locke, vốn là sản phẩm của lý tính, các ý niệm trừu tượng vẫn có cơ sở là sự giống nhau giữa các sự vật.

3. KẾT LUẬN

Là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa kinh nghiệm Anh thế kỷ XVII, nhận thức luận của John Locke đã có vai trò quan trọng trong việc bác bỏ chủ nghĩa tiên nghiệm, phê phán học thuyết ý niệm bẩm sinh, nhấn mạnh vai trò của kinh nghiệm thực tiễn trong việc hình thành tri thức. Duy cảm luận duy vật của John Locke cũng mở ra khả năng giải thích nguồn gốc của các khái niệm và thuật ngữ khoa học, được hình thành thông qua phương pháp trừu tượng hóa khoa học, đi từ cái đơn nhất đến cái chung mang tính khái quát hóa cao nhất. Do điều kiện lịch sử quy định, tư tưởng của John Locke về nhận thức luận vẫn còn một số hạn chế nhất định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (2005), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đỗ Minh Hợp (2014), *Lịch sử triết học phương Tây*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Tấn Hùng (2012), *Lịch sử triết học phương Tây từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đinh Ngọc Thạch, Doãn Chính (2018), *Lịch sử triết học phương Tây*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 12-6-2020. Ngày biên tập xong: 02-11-2020. Duyệt đăng: 27-11-2020